

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MÙƠI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản
và nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MÙƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7 và 20/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 315/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Thanh H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T (Theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Thị N có mặt; Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tháp Mười và anh Lê Thanh H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2019, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh H lấy nhau vào năm 2005, nhưng chưa có đăng ký kết hôn. Chị và anh H lấy nhau do được mai mối cuộc sống hôn nhân cũng hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận yêu thương nhau nhưng thời gian gần 01 năm nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn lý do anh H thay đổi tính tình, tụ tập ăn chơi vướn vào cờ bạc, nợ nần. Mỗi lần chị khuyên thì anh H không nghe mà còn kiếm chuyện chửi bới chị, từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Thương con chị cố gắng chịu đựng mong chờ anh H suy nghĩ lại cùng chị xây dựng gia đình nuôi dạy con cái nhưng đến nay anh H vẫn không thay đổi. Nay, chị thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005. Hiện con đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Có một căn nhà cấp 4 trên phần đất có chiều ngang 6m9, chiều dài 27m. Đất tọa lạc tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tạm định giá 100.000.000đ. Chị N yêu cầu chia đôi tài sản chung, yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 30.000.000đ, chị N yêu cầu chia đôi số nợ chung, chị N đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 15.000.000đ.

Đến ngày 29/5/2020, chị Nguyễn Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia tài sản chung với anh H.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp: Đơn khởi kiện ngày 11/10/2019 (bản chính), giấy chứng minh nhân dân (photo), sổ hộ khẩu (photo), giấy khai sinh Diễm (photo), sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình (photo), 03 sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ (photo), đơn xin xác nhận ngày 27/02/2020 (bản chính), xác nhận ngày 27/02/2020 (bản chính), đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2020 (bản chính), đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/5/2020 (bản chính), đơn yêu cầu xác minh ngày 29/7/2020 (bản chính), đơn xin hoãn phiên tòa ngày 29/7/2020 (bản chính).

- Theo Tờ tự khai đề ngày 05/02/2020, tờ tự khai đề ngày 27/02/2020, anh Lê Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N quen biết, tìm hiểu, yêu thương và đến với nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới năm 2005. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây khoảng 8 tháng trước thì anh có bất gặp vợ nhắn tin với người lạ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vì vậy chị N bỏ về mẹ ruột chị N sống tới nay. Nay, chị N không còn yêu thương anh nữa mà xin ly hôn với anh. Anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005. Hiện con đang sống với chị N. Anh H đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không đồng ý theo đơn khởi kiện của chị N vì đây là căn nhà hương quả cất lên từ nguồn tiền anh chuyển nhượng 1.300m², đất lúa của cha mẹ anh cho để lấy tiền cất nhà, chứ không phải tiền của vợ chồng anh tự tạo ra. Anh muốn giữ căn nhà lại để sau này con cháu về có chỗ để ở.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tháp Mười 30.000.000đ. Nay, anh H đồng ý chia đôi số nợ chung, đồng ý trả ½ số nợ chung là 15.000.000đ.

Ngày 27/02/2020, anh H có đơn yêu cầu chia tài sản: Yêu cầu chị N phải chia cho anh giá trị các tài sản chung như sau:

Xe honda hiệu Blade, biển số 66M1- 431.68, giá mua mới là 18.500.000đ. Nay anh định giá còn lại là 15.000.000đ.

Sau khi chị N bỏ nhà khoảng 02 tháng anh có đưa cho chị N giữ 10.500.000đ (gồm tiền trứng số, tiền vác lúa).

Tổng cộng 25.500.000đ. Nay yêu cầu chia đôi số tài sản trên là 12.750.000đ. Đến ngày 29/5/2020, anh H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản trên.

Về tài liệu, chứng cứ bị đơn nộp: Tờ tự khai ngày 05/02/2020 (bản chính), tờ tự khai ngày 27/02/2020 (bản chính), đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sau ly hôn ngày 27/02/2020 (bản chính), giấy chứng minh nhân dân (photo), đơn xin rút yêu cầu phản tố ngày 29/5/2020 (bản chính), đơn xin vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử ngày 03/8/2020 (bản chính).

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T trình bày:

Anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T theo hai chương trình cho vay cụ thể như sau:

Ngày 21/6/2017 vay chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường số tiền 8.000.000đ, đã trả 1.000.000đ, dư nợ còn 7.000.000đ, lãi đến ngày 27/02/2020 là 30.055đ.

Ngày 02/10/2017 vay chương trình Hộ cận nghèo số tiền 25.000.000đ, đã trả 500.000đ, dư nợ còn 24.500.000đ, lãi đến ngày 27/02/2020 là 124.169đ.

Gửi tiết kiệm tại Ngân hàng số tiền: 1.121.763đ.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H và chị N có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 31.654.224đ. Sau khi trừ số tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng thì số gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/02/2020 là 30.532.461đ.

Về tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp: Đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 (bản chính), sổ vay vốn (bản sao), 02 sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ (bản sao), giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường ngày 05/5/2017 (bản sao), giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn chương trình hộ cận nghèo ngày 04/8/2017 (bản sao), văn bản số 114/PGD-KHNV ngày 19/8/2020 (bản chính), đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/8/2020 (bản chính).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N; Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung anh H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tháp Mười.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về tư cách đương sự:* Theo đơn khởi kiện, chị N là nguyên đơn, xin ly hôn với bị đơn anh Lê Thanh H và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tố tụng dân sự.

- *Về chấp hành pháp luật:* Ngày 03/8/2020, anh Lê Thanh H có đơn xin vắng mặt xét xử và ngày 20/8/2020, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

anh Lê Thanh H và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tháp Mười.

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H; Về nuôi con chung và giải quyết nợ chung; Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ kiện có quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung và nợ chung nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị N cho rằng: Chị và anh Lê Thanh H được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân cũng hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận yêu thương nhau nhưng thời gian gần 01 năm nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn lý do anh H thay đổi tính tình, tụ tập ăn chơi vướn vào cờ bạc, nợ nần, chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân với anh H từ tháng 6/2019 đến nay. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Anh H vắng mặt phiên tòa nhưng theo tự khai ngày 05/02/2020 và tự khai ngày 27/02/2020 thì anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”* và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng có quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”*.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Thanh H.

- *Về nuôi con chung:* Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005. Tại tự khai ngày 27/02/2020 thì cháu Lê Thị D có nguyện vọng sống với mẹ là chị Nguyễn Thị N.

Tại Tự khai ngày 05/02/2020 và các Biên bản hòa giải ngày 27/02/2020, 29/5/2020 thì anh H đồng ý để chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005.

Xét thấy, yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N, anh H có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con nom mà không ai được cản trở được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó”.

- *Về chia tài sản:* Ngày 29/5/2020, chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung là đất và căn nhà cấp 4 trên đất có chiều ngang 6m9, chiều dài 27m, đất tọa lạc tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và tại phiên tòa, chị N xin rút yêu cầu về chia tài sản trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/5/2020, anh H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với chị N, rút yêu cầu chia cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 12.500.000đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị N và yêu cầu của anh H.

- *Về nợ chung:* Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh Lê Thanh H có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 và tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2020, anh H đồng ý trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tháp Mười số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/02/2020 là 30.532.461đ và lãi phát sinh đến khi trả xong nợ với trường hợp anh bán được nhà và đất sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T vắng mặt nhưng theo Văn bản ngày 19/8/2020 thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T đồng ý anh H trả nợ cho Ngân hàng vốn gốc 31.500.000đ và lãi tạm tính đến ngày 20/8/2020 là 323.980đ và lãi phát sinh cho đến khi anh H trả hết nợ.

Tại phiên tòa, chị N đồng ý anh H được nhận số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền là 1.121.763đ.

Như vậy khẩu trừ tiền gửi tiết kiệm, anh H có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền vốn 30.378.237đ và lãi đến ngày 20/8/2020 là 323.980đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo chương trình vay Nước sạch vệ sinh môi trường ngày 21/6/2017 và chương trình vay Hộ cận nghèo ngày 02/10/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Chị N và anh H thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên trường hợp của chị N, anh H được miễn án phí.

Hoàn trả lại cho chị N, anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về hôn nhân và nuôi con chung.
- Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N yêu cầu chia tài sản chung là đất và căn nhà cấp 4 trên đất có chiều ngang 6m9, chiều dài 27m, đất tọa lạc tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Thanh H yêu cầu chị N chia cho anh H ½ giá trị tài sản là 12.500.000đ.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Thanh H đồng ý để chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thị D, sinh ngày 09/10/2005 (con đang sống với chị N).

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Chị N, anh H có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh H được quyền thăm con mà không ai được cản trở.

Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lê Thanh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền vốn gốc 30.378.237đ và lãi đến ngày 20/8/2020 là 323.980đ.

Kể từ ngày Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lê Thanh H chưa thi hành xong số tiền trên thì phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo chương trình vay Nước sạch vệ sinh môi trường ngày 21/6/2017 và chương trình vay Hộ cận nghèo ngày 02/10/2017 kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị N và anh H được miễn tiền án phí Tòa án;

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006811 ngày 30/10/2019 và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007110 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Tổng cộng hoàn trả lại cho chị N 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Lê Thanh H 319.000đ (Ba trăm mười chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000353 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T và anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thời